TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:54/2021/HS-ST
Ngày:18-6-2021.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Thị Kim Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lê Văn Minh

Bà Trần Thụy Ái Nhân

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Đông - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Bà Lương Thị Trà My - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 6 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 50/2021/TLST-HS ngày 12 tháng 5 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:57/2021/QĐXXST-HS ngày 04 tháng 6 năm 2021 đối với:

Bị cáo: Nguyễn Hồng T (tên thường gọi L), sinh năm 1990 tại thành phố Hồ Chí Minh; Giới tính: Nam; HKTT: Số 12 đường 5A, phường B, quận B, thành phố Hồ Chí Minh; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 9/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Nguyễn Hồng H và bà Đào Thị Ngọc H; Bị cáo sống chung với chị Quan Bửu N (không có đăng ký kết hôn), có 01 con; Tiền án: 02, tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 21/11/2020 và chuyển tạm giam từ ngày 27/11/2020. Bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Tiền Giang.

- Người tham gia tố tụng khác:

Người bị hại: Anh Nguyễn Vĩnh P, sinh năm 1977. Địa chỉ: Ấp N, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Người làm chứng:

Nguyễn Ngọc N, sinh năm 2010. Địa chỉ: Ấp N, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Phan Hồng C, sinh năm 1986. Ấp N, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Nguyễn Văn T, sinh năm 1982. Ấp N, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

(Tại phiên tòa có mặt bị cáo; vắng mặt người bị hại, người làm chứng)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào ngày 21/11/2020 tại ấp N, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang, Nguyễn Hồng T có hành vi lén lút trộm tài sản của anh Nguyễn Vĩnh P. Tài sản bị chiếm đoạt là 01 (một) xe mô tô hai bánh biển số 63B3-410.99.

Theo bản kết luận định giá tài sản số 233 ngày 22/11/2020 của Hội đồng định giá tài sản huyện Châu Thành xác định 01 xe mô tô 02 bánh hiệu AIR BLADE, màu cam đen, biển số 63B3-410.99, số khung 1806AY553834, số máy JF27E0576525 có giá trị là 13.000.000đồng.

* Vật chứng vụ án cơ quan điều tra thu giữ gồm:

+ 01 (một) xe mô tô 02 bánh hiệu AIR BLADE, màu cam đen, biển số 63B3-410.99, số khung 1806AY553834, số máy JF27E0576525;

+ 01 (một) điện thoại di động hiệu OPPO màu hồng nhạt, sau lưng màu trắng, phía trước màn hình cứng bị nứt.

* Xử lý vật chứng:

Cơ quan Điều tra đã trả lại cho chủ sở hữu là anh Nguyễn Vĩnh P 01 (một) xe mô tô 02 bánh hiệu AIR BLADE, màu cam đen, biển số 63B3-410.99, số khung 1806AY553834, số máy JF27E0576525.

Vật chứng còn lại bị tạm giữ và Viện kiểm sát ra quyết định chuyển Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành quản lý.

Tại bản cáo trạng số 53/CT-VKSCT ngày 11/5/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang đã truy tố bị cáo Nguyễn Hồng Tuấn về tội "Trộm cắp tài sản" theo điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Về trách nhiệm dân sự: Anh Nguyễn Vĩnh P đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì khác.

Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Hồng T khai nhận: Vào khoảng 11 giờ 40 phút ngày 21/11/2020, Nguyễn Hồng T khi đang đi bộ trên đường tỉnh lộ 879, đến đoạn đường thuộc ấp N, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang, T phát hiện trong nhà của anh Nguyễn Vĩnh P có dựng xe mô tô hai bánh biển số 63B3-410.99, có gắn sẵn chìa khóa trên xe, không người trông coi nên T nảy sinh ý định trộm để sử dụng cá nhân. T lén lút vào dẫn xe 63B3-410.99 ra ngoài được khoảng 10 mét, lên xe khởi động để chạy đi thì bị con của anh P là Nguyễn Ngọc N phát hiện truy hô, anh P chạy ra giữ T lại và trình báo cơ quan Công an.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang giữ nguyên quyền công tố, luận tội và tranh luận: Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Hồng T đã thừa nhận toàn bộ hành vi trộm cắp tài sản của người khác, giá trị tài sản bị cáo chiếm đoạt là 13.000.000đồng. Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, bị cáo Nguyễn Hồng T phạm tội trong trường hợp trước đó đã tái phạm chưa được xóa

án tích lại tiếp tục phạm tội nên thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm. Do đó, Viện kiểm sát giữ nguyên quyền công tố và đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm g khoản 2 Điều 173; Điều 38; Điều 50, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự;

+ Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Hồng T phạm tội trộm cắp tài sản.

+ Về hình phạt: Phạt bị cáo Nguyễn Hồng T từ 03 năm đến 03 năm 06 tháng tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ 21/11/2020.

+ Về vật chứng: 01 (một) điện thoại di động hiệu OPPO màu hồng nhạt, sau lưng màu trắng, phía trước màn hình cứng bị nứt là tài sản của Nguyễn Hồng T, không liên quan hành vi phạm tội, đề nghị trả lại cho Nguyễn Hồng T.

Bị cáo Nguyễn Hồng T nói lời sau cùng: Bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt để bị cáo có cơ hội về lo cho gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Châu Thành, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2] Xét hành vi phạm tội của bị cáo: Bị cáo Nguyễn Hồng T khai nhận ngày 21/11/2020, lợi dụng sự sơ hở của người bị hại, tại ấp N, xã, huyện C, Tiền Giang, Nguyễn Hồng T đã thực hiện hành vi lén lút trộm cắp tài sản của anh Nguyễn Vĩnh P. Hậu quả bị cáo chiếm đoạt tài sản là 01 (một) xe mô tô hiệu AIR BLADE, biển số 63B3-410.99 giá trị 13.000.000đồng. Xét lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của người bị hại, người làm chứng, các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án và phù hợp cáo trạng truy tố cũng như kết luận luận tội của đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố. Xét thấy hành vi của bị cáo là xem thường pháp luật, bị cáo biết rõ tài sản thuộc sở hữu của người khác nhưng đã cố ý lén lút thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của người bị hại để sử dụng cá nhân; tài sản mà bị cáo chiếm đoạt theo kết luận định giá của Hội đồng định giá có giá trị là 13.000.000đồng; thời điểm thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo là người đã đủ tuổi và năng lực chịu trách nhiệm hình sự; bị cáo nhận thức được hành vi của mình là nguy hiểm cho xã hội, bị pháp luật nghiêm cấm nhưng vẫn cố ý thực hiện; hành vi của bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến tài sản hợp pháp của người khác được pháp luật và Nhà nước bảo vệ. Bị cáo phạm tội thuộc trường hợp đã tái phạm, chưa được xóa án tích nên được coi là tái phạm nguy hiểm. Như vậy, hành vi của bị cáo Nguyễn Hồng T đã có đủ yếu tố cấu thành tội trộm cắp tài sản. Hội đồng xét xử kết luận bị cáo Nguyễn Hồng T phạm tội trộm cắp tài sản, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

[3] Về tính chất, mức độ của hành vi phạm tội, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân bị cáo.

Xét tính chất hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, gây thiệt hại về tài sản của người khác; làm ảnh hưởng an ninh, trật tự tại địa phương.

Xét về tình tiết tăng nặng: Bị cáo phạm tội không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Xét về tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, thể hiện sự ăn năn hối cải. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Xét về nhân thân: Bị cáo có nhân thân không tốt, đã nhiều lần vi phạm pháp luật, có 02 tiền án chưa được xóa án tích mà vẫn tiếp tục phạm tội. Điều này thể hiện bị cáo rất xem thường pháp luật, không muốn sửa chữa lỗi lầm. Do đó cần phải có mức hình phạt nghiêm khắc đối với bị cáo.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu, Hội đồng xét xử không xem xét về phần trách nhiệm dân sự.

[5] Về vật chứng vụ án;

Xét các vật chứng cơ quan điều tra huyện Châu Thành đã xử lý đúng quy định pháp luật. Hội đồng xét xử không xem xét lại.

Xét vật chứng 01 (một) điện thoại di động hiệu OPPO, màu hồng nhạt, sau lưng màu trắng, phía trước màn hình cứng bị nứt là tài sản của Nguyễn Hồng T, không liên quan hành vi phạm tội nên trả lại cho bị cáo Nguyễn Hồng T.

[6] Về án phí sơ thẩm: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

[7] Xét đề nghị của Kiểm sát viên về tội danh, điều luật áp dụng, mức hình phạt, xử lý vật chứng là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Hồng T phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173; Điều 38; Điều 50; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Hồng T 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ 21/11/2020.

2. Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 89, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự;

Trả lại bị cáo Nguyễn Hồng T 01 (một) điện thoại di động hiệu OPPO, màu hồng nhạt, sau lưng màu trắng, phía trước màn hình cứng bị nứt.

Vật chứng, tài sản do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành đang tạm giữ theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 24/5/2021.

3. Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy

định về án phí, lệ phí Tòa án.

Bị cáo Nguyễn Hồng T phải chịu 200.000đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo:

Bị cáo được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh TG;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Công an huyện Châu Thành;
- CC.THADS huyện Châu Thành;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hồ Thị Kim Hương